

CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG XUẤT NHẬP KHẨU SHARK LAND
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG XUẤT NHẬP KHẨU SHARK LAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SHARK LAND IMPORT EXPORT CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: SHARKLAND CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109446868

3. Ngày thành lập: 14/12/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Biệt thự liền kề SB-10, khu chức năng đô thị Đại Mỗ, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0986.986.686

Fax:

Email: sharklandvn@gmail.com

Website: sharkland.com.vn

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663(Chính)
2.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
3.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
4.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
5.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ mặt hàng Nhà nước cấm)	8299
6.	Xây dựng nhà để ở	4101
7.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
8.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
9.	Phá dỡ	4311
10.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
11.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
12.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
13.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
14.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
16.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: trừ hoạt động đầu giá tài sản	4511
17.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512

18.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
19.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
20.	Bán buôn thực phẩm	4632
21.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: trừ mặt hàng Nhà nước cấm	4669
22.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
23.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: trừ dược phẩm	4649
24.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
25.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
26.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
27.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
28.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
29.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
30.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
31.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
32.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
33.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: trừ kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường	5610
34.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
35.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản, sàn giao dịch bất động sản; Trung gian trong việc mua hoặc bán, cho thuê bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng; Quản lý bất động sản trên cơ sở phí hoặc hợp đồng. (-Theo khoản 1 điều 62 luật kinh doanh Bất động sản 66/2014/QH13 - Điều 24 Thông tư 11/2015/TT-BXD)	6820

36.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Thiết kế máy móc và thiết bị; - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông. - Giám sát thi công xây dựng cơ bản.	7110
37.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
38.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình Chi tiết: trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải và xi mạ điện tại trụ sở	9522
39.	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
40.	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
41.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
42.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
43.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
44.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
45.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
46.	Sản xuất thuốc trừ sâu và sản phẩm hoá chất khác dùng trong nông nghiệp (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định)	2021
47.	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
48.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày (Doanh nghiệp chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định)	5510
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102
50.	Xây dựng công trình điện	4221

6. Vốn điều lệ: 6.668.000.000 VNĐ

Sáu tỷ sáu trăm sáu mươi tám triệu Việt Nam Đồng

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN SỸ HUÊ	A1-2, tầng 11B, HH3 khu CNĐT Đại Mỗ, TDP Tháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	4.600.000.000	68,990	040084001343	
2	ĐỖ THANH NGÂN	TDP Tháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	2.068.000.000	31,010	025188001371	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN SỸ HUÊ

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: *31/03/1984*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *040084001343*

Ngày cấp: *22/07/2019*

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *A1-2, tầng 11B, HH3 khu CNĐT Đại Mỗ, TDP Tháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *A1-2, tầng 11B, HH3 khu CNĐT Đại Mỗ, TDP Tháp, Phường Đại Mỗ, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội